TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 26-7-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Quang Đương**

2. Bà **Nguyễn Thị Đoan**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đăng Hạnh** - Thư ký TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà: Bà **Bùi Thị Mai** - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2018/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 13/2018/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982

Đăng ký HKTT: Thôn Ng, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Địa chỉ tạm trú: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Ng, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên toà có mặt chị H; anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên toà, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Bá T do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 20/5/2010. Trước khi kết hôn với chị,

anh T đã có vợ nhưng đã ly hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận tại gia đình nhà chồng được hơn một năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cãi nhau do quan điểm sống bất đồng, anh T thường xuyên rượu chè rồi về gây chuyện với vợ. Chị đã cố gắng chịu đựng cho đến đầu năm 2015, do không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn Văn Diệm, xã Hưng Thái, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh T.

Chị H khai chị và anh T không có con chung, không có tài sản gì chung, không có khoản nợ chung nào. Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết về quan hệ con chung và tài sản. Anh T có 01 con riêng với người vợ đã ly hôn; con riêng anh T không liên quan gì đến chị nên chị không có yêu cầu gì.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Bá T đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không có mặt để tham gia tố tụng. Kết quả xác minh được gia đình anh T và chính quyền địa phương cung cấp: Sau khi anh T kết hôn với chị H, vợ chồng anh T chung sống tại Thôn Ng, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình đến đầu năm 2015 thì anh T, chị H và con riêng của anh T sang Hải Dương sinh sống cùng với bố mẹ đẻ chị H. Tháng 6/2015, anh T và con lại về gia đình ở xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình sinh sống còn chị H vẫn sinh sống tại Hải Dương từ đó đến nay không về gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống giữa anh T, chị H tại gia đình nhà chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên cơ sở thôn phải hoà giải nhiều lần. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh T, gia đình anh T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Toà án và đã thông báo trực tiếp cho anh T các văn bản đó nhưng quan điểm của anh T thông qua gia đình cho biết: Do bận làm ăn nên anh T không đến Toà án giải quyết được, anh T nhất trí ly hôn với chị H vì giữa anh và chị H không có gì ràng buộc; Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có khoản nợ chung nào. Anh T không yêu cầu giải quyết về quan hệ con chung và quan hệ tài sản. Hiện tại anh T đi làm ăn xa không rõ địa chỉ cụ thể nhưng vẫn thường xuyên liên lạc và thỉnh thoảng vẫn về gia đình. Con riêng của anh T hiện đang ở cùng với vợ chồng anh trai ruột của anh T, không liên quan gì đến việc ly hôn giữa anh và chị H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: *Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt, do vậy Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm về việc chấp hành pháp luật tại phiên toà của bị đơn.*

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; về quan hệ hôn nhân cần xử cho chị H được ly hôn anh T; về quan hệ con chung và quan hệ tài sản không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Bá T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Bá T xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào ngày 20/5/2010 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống giữa chị H, anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không hiểu và không thông cảm được cho nhau. Chị H và anh T đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay không quan tâm đến nhau Anh T đã nhận được các văn bản của Toà án nhưng anh T không lên Toà án giải quyết và nhất trí ly hôn chị H. Xét mâu thuẫn giữa chị H, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H, anh T không có con chung nên không đặt ra giải quyết

Về quan hệ tài sản: Chị H và anh T đều không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Bá T.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003648 ngày 01/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Bá T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳnh Phụ,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Quỳnh Phụ,
- UBND xã Q, H. Quỳnh Phụ,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng